

Bản án số: 122 /2017/HSST
Ngày: 29 -11-2017
V/v Trộm cắp tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S-TP. Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Nhung

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đồi

Bà Nguyễn Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, TP. Đ tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S thành phố Đ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2017/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

- Nguyên đơn : Nguyễn Trung H ; Giới tính: Nam; Sinh Năm: 1987 tại TP Đ; Nơi ĐKKHKT: Tổ 132, phường N, quận S, TP Đ; Chỗ ở: Tổ 132, phường N, quận S, TP Đ; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 2/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Tiền án: 02 (Ngày 11/7/2015, bị TAND quận S xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 21/6/2016, bị TAND quận S xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”); Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2005, bị Chủ tịch UBND TP Đ ra Quyết định đưa vào Cơ sở giáo dục H trong thời hạn 24 tháng về hành vi Gây rối trật tự công cộng; Con ông: Nguyễn Văn T (SN: 1960) và bà: Huỳnh Thị L (SN: 1958) cùng trú tại Tổ 132, phường N, quận S; Gia đình có 04 anh em, bị can là con thứ hai; Có vợ: Trần Thị P Trà (SN: 1987) và 01 con sinh năm 2006. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/9/2017, hiện đang bị tạm giam tại trại giam H1. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; trú tại; phòng 402 khu chung cư làng cá N 1A, tổ 136, phường N, quận S, thành phố Đ. Vắng mặt.

2. Ông Trần Xuân N, sinh năm 1984; trú tại: K50/38 T, tổ 46 phường B, quận H, thành phố Đ. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1960; trú tại: Tổ 50 đường A, phường A, quận S, thành phố Đ. Có mặt.

2. Ông Đàm Đức P, sinh năm 1976, trú tại: số 145 K, phường N, quận S, thành phố Đ. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn H, sinh năm 1996. Trú tại số 50 đường A phường A, quận S, thành phố Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 19/8/2017, Nguyễn Trung H xuống nhà xe chung cư 1C, phường N, quận S để lấy xe đi làm thì phát hiện thấy chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade, BKS: 43D1- 14315 của anh Nguyễn Văn H (SN: 1983; trú tại tổ 136, N, S, Đ) để tại nhà xe, có chìa khóa ở ổ khóa xe nên H nảy sinh ý định lấy trộm. H lên xe, nổ máy chạy đến quán cà phê Cây Xanh trên đường N và cầm cho một người thanh niên tên L1 (chưa rõ lai lịch) được 4.000.000 đồng, H tiêu xài hết. Đến ngày 27/8/2017, H nghe tin việc lấy trộm xe bị lộ, nên đã nhờ bà Huỳnh Thị L(SN: 1960; trú tại tổ 133, N, S, Đ; là mẹ H) đi chuộc xe và đem trả lại xe cho anh H.

Tại Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS quận S số 83 ngày 12/9/2017, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 19.000.000đ.

- Tang vật tạm giữ:

+ 01 xe mô tô biển số 43D1- 14315, nhãn hiệu Honda, loại Airblade, màu đỏ - trắng- đen (đã trả cho người bị hại);

+ 01 pH cầm đồ số 14 ngày 20/8/2017 của tiệm cầm đồ N.

+ Tiền Việt Nam 810.000 đồng.

+ 01 đĩa DVD dung lượng 4.7Gb chứa hình ảnh vụ trộm cắp xe máy tại nhà xe chung cư 1C.

Quá trình điều tra, H còn khai nhận: Trước đó, khoảng 03 giờ ngày 15/8/2017, H điều khiển xe Dream II, BKS: 43K2- 5805 đi rảo quanh trên đường T, quận H để tìm nơi trộm cắp tài sản. Khi đến trước nhà anh Trần Xuân N (SN: 1984; TT: K50/38 T, quận H), H phát hiện thấy cửa chính nhà anh N khép hờ, anh N đang ngủ nên H đã đột nhập vào lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5s, màu trắng và 800.000đ. Sau đó, H nhờ Nguyễn H (SN: 1996; TT: Phường A, quận S) chở đến hiệu cầm đồ N(đường K, quận S) cầm cho anh Đàm Đức P được 1.000.000 đồng. H đem về mua ma túy để sử dụng và tiêu xài. Một ngày sau, H thỏa thuận giao giấy cầm đồ này cho một người thanh niên tên V (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để lấy 300.000đ rồi V đi lấy điện thoại tại hiệu cầm đồ N. Tang vật không thu hồi được.

Tại Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS quận S số 88 ngày 25/9/2017, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.768.000đ.

Về bồi thường dân sự:

- Anh Nguyễn Văn H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì;

- Anh Trần Xuân N yêu cầu bồi thường 3.568.000đ. H chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 97/CT-VKS ngày 31/10/2017 của VKSND quận S, thành phố Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 138; Điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điểm g Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H mức án từ 30 đến 36 tháng tù giam.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa thống nhất với lời trình bày về hành vi phạm tội của bị cáo. Người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến của họ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Trung H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, xét lời khai của bị cáo phù với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX thấy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào ngày 15/8/2017 và ngày 19/8/2017, Nguyễn Trung H (có 02 tiền án, đã tái phạm nhưng chưa được xóa án tích) có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Trần Xuân N 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5s trị giá 2.768.000đồng và 810.000đ tiền mặt; chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H 01 chiếc xe Honda Airblade trị giá 19.000.000đồng. Tổng giá trị tài sản H chiếm đoạt là 22.568.000đ.

Hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự như cáo trạng số 97/CT-VKS ngày 31/10/2017 của VKSND quận S - thành phố Đ đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nguyễn Trung H là thanh niên khỏe mạnh, nhằm thỏa mãn mục đích cá nhân bằng tiền lao động của người khác, bị cáo đã lên lút đột nhập lấy trộm của Trần Xuân N 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5s và số tiền 810.000đồng, lấy trộm của anh Nguyễn Văn H 01 chiếc xe Honda Airblade. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi táo bạo, thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh xã hội tại địa phương, gây tâm lý bất bình, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay để áp dụng một hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là cần thiết nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời cũng là để răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Năm 2005, bị cáo bị Chủ tịch UBND TP Đ ra Quyết định đưa vào Cơ sở giáo dục H trong thời hạn 24 tháng về hành vi Gây rối trật tự công cộng. Ngoài ra bị cáo đã có 02 tiền án: Ngày 11/7/2015, bị TAND quận S xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 21/6/2016, bị TAND quận S xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích. Nay, bị cáo tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tái phạm theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo còn phải chịu thêm tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

HĐXX xét thấy, đối với bị cáo Nguyễn Trung H cần phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại, bị cáo tự khai ra lần phạm tội trước đó, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, hội đồng xét xử sẽ áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Tang vật tạm giữ: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Quy trừ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số IMEI 01334900454022; Tiền việt Nam 810.000đ để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: HĐXX xét thấy, Trong quá trình điều tra người bị hại - anh Nguyễn Văn H khai đã nhận đủ số tài sản đã bị mất và tại phiên tòa hôm nay không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập đến. Riêng đối với người bị hại - anh Trần Xuân N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.568.000đ, bị cáo chưa bồi thường. Vì vậy buộc bị cáo Nguyễn Trung H phải tiếp tục bồi thường cho anh Trần Xuân N số tiền 3.568.000đ.

Đối với hành vi của Nguyễn H chở H đi cầm tài sản và giới thiệu người mua tài sản của H - anh Đàm Đức P; hành vi cầm tài sản của Phong qua điều tra xác định: Hoàng và Phong không biết tài sản do H trộm cắp mà có. Đối với chiếc xe Dream II, BKS:43K2-5850 của ông Nguyễn Văn T, qua điều tra xác

định: do H tự lấy xe đi trộm cắp nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người thanh niên tên L nhận cầm xe của H, người thanh niên tên V mua điện thoại của H chưa xác định nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để đề cập xử lý.

Đối với đối tượng bán ma túy cho H do không rõ nhân thân lai lịch nên không có căn cứ để xử lý.

Về án phí HSST: Bị cáo Nguyễn Trung H phải chịu 200.000đ

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Trung H phải chịu 178.400đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng: Điểm c Khoản 2 Điều 138, Điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Trung H 03 (Ba) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/9/2017.

2. Về xử lý tang vật: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, Quy trừ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số IMEI 01334900454022; Tiền việt Nam 810.000đ để đảm bảo thi hành án. (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ)

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Trung H tiếp tục bồi thường số tiền 3.568.000đ cho người bị hại - anh Trần Xuân N.

4. Về Án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Trung H phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Trung H phải chịu 178.400đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 29/11/2017. Riêng người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND quận S;
- Công an quận S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam công an TP Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG

